

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày: 28/9/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh;
2. Ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/DSST ngày 24/11/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-DS ngày 06/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-DS ngày 31/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quý tín dụng nhân dân B; địa chỉ: khóm T, thị trấn B, huyện T, tỉnh A;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Kiến P – Phó Giám đốc.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1991 và ông Ngô Vũ Ph, sinh năm 1991; cùng nơi cư trú: khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A.

Ông P có mặt; bà K, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Đỗ Kiến P trình bày:

Ngày 29/8/2019, bị đơn bà Trần Thị Ngọc K và ông Ngô Vũ Ph có ký Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 với Quỹ tín dụng nhân dân B, cụ thể:

- + Số tiền vay: 18.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống của bên vay và gia đình.
- + Thời hạn vay: 01 năm;
- + Lãi suất: 20,3%/năm;
- + Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;
- + Lãi suất chậm trả lãi: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
- + Lịch trả nợ: Kỳ trả nợ gốc và lãi vay được trả định kì hàng tuần; thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 29/8/2020. Quỹ tín dụng nhân dân B đã giải ngân cho bị đơn số tiền 18.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán số tiền là 7.700.000 đồng, trong đó gốc là 6.554.300 đồng và lãi là 1.145.700 đồng tính đến ngày 30/01/2020, còn nợ lại số tiền bao gồm gốc là 11.445.700 đồng tính đến hết ngày 30/9/2020 và lãi.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 11.445.700 đồng còn nợ và toàn bộ lãi vay phát sinh với lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

Tại tờ tự khai ngày 02/6/2021, bị đơn bà Trần Thị Ngọc K có ý kiến trình bày, đồng ý trả số tiền 13.101.000 đồng ngày 03/6/2021. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đã thực hiện việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác; không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ. Đối với yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho biết tính đến ngày xét xử, ngày 28/9/2021, bị đơn còn nợ Quỹ tín dụng số tiền là 16.566.900 đồng, trong đó: nợ gốc 11.445.700 đồng; lãi (trong hạn và quá hạn) 5.121.200 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc cùng tiền lãi là 16.566.900 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh

toán tiền lãi phát sinh sau ngày 28/9/2021 mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn có nơi cư trú tại khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án không tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ nên không thông báo yêu cầu Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

Về nội dung:

[4] Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Tại mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 có quy định: *Bên B (bên vay) có trách nhiệm thanh toán tiền gốc cho bên A (bên cho vay) khi đến hạn thanh toán.*

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng các bên xác lập có thỏa thuận thời hạn trả, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, do đó nguyên

đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ gốc cùng tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày 28/9/2021 số tiền 16.566.900 đồng và yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 28/9/2021 với lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí:

Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 16.566.900 đồng nên phải chịu 828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 275, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc K và ông Ngô Vũ Ph có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền: 16.566.900 (*mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm*) đồng; trong đó:

- Nợ gốc: 11.445.700 đồng;
- Tiền lãi: 5.121.200 đồng.

Bà Trần Thị Ngọc K và ông Ngô Vũ Ph tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1064TBL19 ngày 29/8/2019, kể từ sau ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc K và ông Ngô Vũ Ph phải chịu 828.000 (*tám trăm, hai mươi tám nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí mà Quỹ tín dụng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0005932 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm